

KHUYẾN NGHỊ VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030 NHẪM CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI SỰ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC LỚN

Đặng Minh Đức*, Bùi Hải Đăng**

Ngày nhận bài: 24/03/2026 | Ngày gửi phản biện: 01/04/2026 | Ngày duyệt đăng: 15/04/2026

Tóm tắt: Cuộc xung đột Nga - Ukraine từ cuối tháng 2/2022, cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc và những điều chỉnh chiến lược của các nước lớn đã làm cho cấu trúc quyền lực toàn cầu và khu vực đang có nhiều thay đổi quan trọng. Những điều chỉnh chiến lược phát triển và chính sách đối ngoại của các cường quốc đã tác động trực tiếp đến môi trường an ninh và hợp tác tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và Đông Nam Á. Đối với Việt Nam, một quốc gia có vị trí địa chiến lược quan trọng và mức độ hội nhập quốc tế sâu rộng, những biến động này vừa tạo ra cơ hội vừa đặt ra nhiều thách thức đối với chính sách đối ngoại. Bài viết phân tích xu hướng điều chỉnh chiến lược của các nước lớn và đánh giá các tác động chủ yếu đối với Việt Nam, cũng như đề xuất một số khuyến nghị và hàm ý chính sách đối ngoại chủ động thích ứng với những biến động của môi trường quốc tế đến năm 2030 nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Từ khóa: Cạnh tranh nước lớn, trật tự quốc tế, quản trị khu vực, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Việt Nam.

Abstract: The Russia - Ukraine conflict since February 2022, intensifying U.S. - China strategic competition, and the strategic adjustments of major powers have brought significant changes to the global and regional balance of power. These shifts in development strategies and foreign policies of major powers have directly affected the security and cooperation environment in the Indo-Pacific and Southeast Asia.

* PGS.TS.; Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ; Email: minhduc_ies@yahoo.com.

** PGS.TS.; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

For Vietnam, a country with an important geostrategic position and a high level of international integration, these transformations create both opportunities and challenges for its foreign policy. This article analyzes the evolving strategic adjustments of major powers and assesses their key implications for Vietnam. Based on this analysis, the article proposes several policy recommendations and foreign policy implications to help Vietnam proactively adapt to changes in the international environment toward 2030, thereby safeguarding national interests and enhancing Vietnam's position in the region and the world.

Keywords: Great-power competition, international order, regional governance, Indo-Pacific, Vietnam.

1. Mở đầu

Trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI, thế giới đang trải qua những biến đổi sâu sắc dưới tác động của sự chuyển dịch quyền lực toàn cầu, sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và những thách thức toàn cầu ngày càng phức tạp. Sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, trật tự quốc tế trong một thời gian dài được đặc trưng bởi vai trò lãnh đạo nổi bật của Hoa Kỳ và các thể chế quốc tế do phương Tây dẫn dắt. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, nhiều học giả cho rằng trật tự quốc tế này đang bước vào giai đoạn chuyển đổi với sự nổi lên của các trung tâm quyền lực mới, sự gia tăng cạnh tranh địa chính trị và xu hướng phân mảnh trong quản trị toàn cầu.

Đặc biệt, kể từ sau năm 2022, những biến động lớn trong quan hệ quốc tế, bắt đầu từ cuộc xung đột Nga - Ukraine từ tháng 2/2022, cùng với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, cũng như các điều chỉnh chiến lược của Liên minh châu Âu (EU) và nhiều cường quốc khác, đã góp phần làm thay đổi đáng kể cấu trúc quyền lực trong hệ thống quốc tế. Trong bối cảnh đó, các nước lớn đã tiến hành điều chỉnh chiến lược phát triển và chính sách đối ngoại nhằm thích ứng với môi trường quốc tế mới, đồng thời tìm cách củng cố vị thế và mở rộng ảnh hưởng của mình trên phạm vi toàn cầu. Những điều chỉnh chiến lược của các nước lớn không chỉ tác động đến cấu trúc quyền lực toàn cầu, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các khu vực quan trọng như Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và Đông Nam Á. Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ và an ninh, đang tạo ra những cơ hội và thách thức mới đối với các quốc gia trong khu vực.

Đối với Việt Nam, một quốc gia có mức độ hội nhập quốc tế sâu rộng và vị trí địa chiến lược quan trọng tại Đông Nam Á, những biến động của môi trường quốc tế có tác động trực tiếp đến an ninh quốc gia, phát triển kinh tế và chính sách đối ngoại. Trong

bối cảnh đó, bài viết tập trung nghiên cứu sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước lớn và đánh giá những tác động đối với Việt Nam, từ đó, đề xuất một số khuyến nghị chính sách đối ngoại nhằm giúp Việt Nam chủ động thích ứng với những biến động của môi trường quốc tế đến năm 2030.

2. Sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước lớn trong bối cảnh biến đổi của hệ thống quốc tế

Trong những năm gần đây, môi trường quốc tế đang trải qua những biến đổi sâu sắc do sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại và chiến lược phát triển của các nước lớn, đặc biệt là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Liên minh châu Âu và Nga. Những điều chỉnh này phản ánh sự chuyển dịch quyền lực trong hệ thống quốc tế, sự gia tăng cạnh tranh địa chính trị và xu hướng phân mảnh trong quản trị toàn cầu. Nhiều nghiên cứu cho rằng, sau Chiến tranh Lạnh, hệ thống quốc tế đang chuyển từ cấu trúc đơn cực sang một cấu trúc đa cực hoặc đa trung tâm, trong đó các cường quốc ngày càng cạnh tranh để định hình các chuẩn mực và thể chế quốc tế (Hwang, 2024).

Trong bối cảnh đó, các nước lớn đã tiến hành điều chỉnh chiến lược đối ngoại theo hướng kết hợp giữa cạnh tranh quyền lực, an ninh kinh tế và xây dựng các mạng lưới hợp tác mới nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và tăng cường ảnh hưởng quốc tế. Cụ thể:

2.1. Điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Hoa Kỳ

Kể từ tháng 2/2022, chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ có xu hướng tập trung mạnh vào cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc và tái cấu trúc trật tự khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Chính quyền Mỹ xác định Trung Quốc là thách thức chiến lược dài hạn đối với vị thế lãnh đạo toàn cầu của Hoa Kỳ và coi cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại (U.S. Department of Defense, 2022).

Một trong những trụ cột quan trọng của sự điều chỉnh này là Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, được công bố năm 2022. Chiến lược này nhấn mạnh việc tăng cường quan hệ đồng minh, thúc đẩy các tiêu chuẩn thương mại và công nghệ cao, cũng như xây dựng chuỗi cung ứng an toàn và bền vững trong khu vực. Mục tiêu xây dựng một khu vực “tự do, rộng mở, kết nối, thịnh vượng, an toàn và kiên cường”, đồng thời tăng cường hợp tác với các đồng minh và đối tác trong khu vực nhằm duy trì cân bằng quyền lực (The White House, 2022).

Hoa Kỳ thúc đẩy các sáng kiến hợp tác mới như Indo-Pacific Economic Framework (IPEF) được công bố năm 2022 nhằm tăng cường liên kết kinh tế, hợp tác trong các lĩnh vực chuỗi cung ứng, chuyển đổi năng lượng và kinh tế số (Tatsumi, 2025). Hoa Kỳ

cũng thúc đẩy các chính sách nhằm tăng cường an ninh kinh tế và công nghệ, trong đó nổi bật là các biện pháp kiểm soát xuất khẩu công nghệ và các chính sách hỗ trợ phát triển ngành bán dẫn nhằm duy trì lợi thế công nghệ trong cạnh tranh với Trung Quốc (Kwarteng, 2023). Những điều chỉnh này phản ánh sự chuyển hướng của Hoa Kỳ sang mô hình liên kết chiến lược với các đồng minh và đối tác nhằm đối phó với những thách thức mới trong hệ thống quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị ngày càng gia tăng tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Như vậy, chiến lược đối ngoại của Hoa Kỳ tập trung vào việc duy trì vai trò lãnh đạo toàn cầu trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc ngày càng gia tăng. Các tài liệu chiến lược chính thức của Hoa Kỳ đã xác định Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh chiến lược dài hạn, đồng thời nhấn mạnh việc tăng cường liên minh và đối tác để bảo vệ trật tự quốc tế dựa trên luật lệ. Sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Hoa Kỳ thể hiện xu hướng chuyển từ mô hình lãnh đạo toàn cầu dựa trên tự do thương mại sang mô hình kết hợp giữa cạnh tranh chiến lược và liên kết đồng minh nhằm duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật lệ.

2.2. Điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Trung Quốc

Song song với sự điều chỉnh chiến lược của Hoa Kỳ, Trung Quốc cũng đang thúc đẩy một chiến lược đối ngoại toàn diện nhằm mở rộng ảnh hưởng kinh tế và chính trị trên phạm vi toàn cầu. Kể từ khi Tổng bí thư, Chủ tịch nước Trung Quốc Tập Cận Bình lên lãnh đạo đất nước từ năm 2012, Trung Quốc đã và đang triển khai một loạt sáng kiến quốc tế quan trọng như Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), Sáng kiến Phát triển Toàn cầu (GDI) và Sáng kiến An ninh Toàn cầu (GSI) nhằm tăng cường vai trò của mình trong hệ thống quốc tế.

Trung Quốc đang thúc đẩy một chiến lược đối ngoại toàn diện nhằm mở rộng ảnh hưởng kinh tế và chính trị trên phạm vi toàn cầu. Một trong những sáng kiến quan trọng nhất của Trung Quốc là Sáng kiến Vành đai và Con đường (Belt and Road Initiative - BRI), được triển khai từ năm 2013 nhằm tăng cường kết nối hạ tầng, thương mại và đầu tư giữa Trung Quốc và các khu vực khác trên thế giới. Thông qua các dự án hạ tầng và hợp tác kinh tế, BRI đã góp phần mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc trong nhiều khu vực, đồng thời tạo ra các mạng lưới kết nối mới giữa châu Á, châu Âu và châu Phi. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng thúc đẩy các sáng kiến toàn cầu mới như GDI và GSI nhằm tăng cường vai trò của mình trong quản trị toàn cầu (Rolland, 2017). Đồng thời, Trung Quốc triển khai mạnh mẽ chiến lược phát triển mới dựa trên mô hình “tuần hoàn kép”, kết hợp mở rộng thị trường nội địa với tăng cường hội nhập quốc tế nhằm giảm thiểu rủi ro từ các biến động bên ngoài. Những điều chỉnh này phản ánh nỗ lực của Trung Quốc trong việc nâng cao vị thế trong cấu trúc quyền lực toàn cầu.

2.3. Điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Liên minh châu Âu

Trong bối cảnh cạnh tranh địa kinh tế ngày càng gia tăng và tác động của xung đột Nga - Ukraine, Liên minh châu Âu cũng đã tiến hành nhiều điều chỉnh quan trọng trong chiến lược đối ngoại và chính sách kinh tế đối ngoại. Một trong những xu hướng nổi bật là việc EU tăng cường tự chủ chiến lược (strategic autonomy) nhằm giảm phụ thuộc vào các đối tác bên ngoài trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ, năng lượng và chuỗi cung ứng. EU đã triển khai nhiều sáng kiến mới nhằm củng cố vai trò địa kinh tế của mình trên trường quốc tế. Trong đó, chiến lược Cổng toàn cầu (Global Gateway), được công bố năm 2021, hướng tới việc thúc đẩy kết nối hạ tầng, chuyển đổi năng lượng và phát triển bền vững tại nhiều khu vực trên thế giới. Theo Ủy ban châu Âu, chiến lược này dự kiến huy động khoảng 300 tỷ euro đầu tư vào hạ tầng toàn cầu trong các lĩnh vực với mục tiêu “tăng cường các kết nối thông minh, sạch và an toàn trong các lĩnh vực như năng lượng, giao thông, công nghệ số, y tế và giao thông trên toàn cầu” (European Commission, 2021). Cùng với đó, EU cũng đã công bố Chiến lược An ninh Kinh tế năm 2023 nhằm tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế châu Âu trước các rủi ro địa chính trị và giảm phụ thuộc vào các chuỗi cung ứng bên ngoài. Những điều chỉnh này cho thấy, EU đang chuyển từ vai trò chủ yếu là một cường quốc kinh tế sang một tác nhân địa chính trị và địa kinh tế tích cực hơn trong hệ thống quốc tế (Huang, 2024).

2.4. Điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Nga

Sau khi xung đột Nga - Ukraine bùng nổ năm 2022, Nga đã tiến hành điều chỉnh đáng kể trong chính sách đối ngoại, đặc biệt là trong quan hệ với các nước phương Tây. Các lệnh trừng phạt kinh tế của phương Tây đã thúc đẩy Nga chuyển hướng mạnh mẽ sang tăng cường hợp tác với các nền kinh tế mới nổi và các quốc gia ở khu vực châu Á, Trung Đông và châu Phi. Trong bối cảnh này, Nga đã thúc đẩy hợp tác trong khuôn khổ các cơ chế như BRICS, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) và các mạng lưới hợp tác năng lượng với các đối tác ngoài phương Tây. Đồng thời, Nga cũng tìm cách củng cố quan hệ chiến lược với Trung Quốc và một số quốc gia trong “Global South” nhằm giảm thiểu tác động của các lệnh trừng phạt kinh tế và duy trì vai trò của mình trong cấu trúc quyền lực quốc tế. Rõ ràng, xung đột Ukraine không chỉ làm thay đổi quan hệ giữa Nga và phương Tây, mà còn góp phần thúc đẩy sự phân cực trong hệ thống quốc tế, đồng thời làm gia tăng xu hướng tái cấu trúc các liên kết chiến lược giữa các cường quốc (Semercioglu, 2024).

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, một số điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước lớn đang hình thành một số xu hướng nổi bật: *Thứ nhất*, cạnh tranh chiến lược

giữa các cường quốc ngày càng gia tăng và trở thành yếu tố chi phối nhiều chính sách đối ngoại; *Thứ hai*, yếu tố an ninh kinh tế và công nghệ ngày càng trở thành trọng tâm trong chiến lược đối ngoại của các nước lớn; *Thứ ba*, các cường quốc ngày càng sử dụng các sáng kiến kinh tế, kết nối hạ tầng và hợp tác phát triển như những công cụ quan trọng để mở rộng ảnh hưởng quốc tế. Những xu hướng này đang góp phần định hình lại cấu trúc hệ thống quốc tế và tạo ra những tác động sâu rộng đối với các quốc gia và khu vực trên thế giới.

3. Tác động của sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước lớn đối với Việt Nam

Sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước lớn trong bối cảnh chuyển dịch quyền lực toàn cầu và gia tăng cạnh tranh địa chính trị đang tạo ra những tác động sâu rộng đối với các quốc gia tầm trung và nhỏ, đặc biệt là các quốc gia nằm trong khu vực có vị trí địa chiến lược quan trọng như Đông Nam Á. Việt Nam, với vị trí địa chính trị tại trung tâm khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và mức độ hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến đổi này. Những điều chỉnh chiến lược của Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU và Nga không chỉ làm thay đổi cấu trúc quyền lực quốc tế, mà còn tạo ra những cơ hội và thách thức mới đối với môi trường an ninh, phát triển kinh tế và quan hệ đối ngoại của Việt Nam.

3.1. Tác động đối với môi trường chiến lược và an ninh khu vực

Một trong những tác động quan trọng nhất đối với Việt Nam là sự thay đổi trong môi trường chiến lược khu vực. Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, đang làm gia tăng tính phức tạp của cấu trúc an ninh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương được nhận định trở thành một trong những trọng tâm cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc trong thế kỷ XXI, với sự xuất hiện của nhiều cơ chế hợp tác an ninh và kinh tế mới như QUAD, AUKUS và các khuôn khổ hợp tác kinh tế khu vực (Allison, 2017; Ikenberry & Lim, 2017). Sự gia tăng cạnh tranh chiến lược này vừa tạo ra cơ hội cho các quốc gia trong khu vực mở rộng quan hệ đối tác, vừa đặt ra những thách thức đối với việc duy trì cân bằng chiến lược và ổn định khu vực.

Đối với Việt Nam, việc duy trì môi trường hòa bình, ổn định tại khu vực Đông Nam Á và Biển Đông là một trong những lợi ích chiến lược quan trọng. Tuy nhiên, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn có thể làm gia tăng nguy cơ phân cực trong khu vực, gây áp lực đối với các quốc gia trong việc lựa chọn đối tác, hoặc điều chỉnh chính sách đối ngoại. Trong bối cảnh đó, việc duy trì vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc

khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam. ASEAN được coi là một nền tảng quan trọng để thúc đẩy hợp tác khu vực, giảm thiểu xung đột và duy trì cân bằng chiến lược giữa các cường quốc (Acharya, 2014).

3.2. Tác động đối với phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế của Việt Nam

Bên cạnh các tác động về an ninh, sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn cũng tạo ra những tác động đáng kể đối với môi trường kinh tế quốc tế và quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng, nhiều cường quốc đang thúc đẩy các chính sách nhằm tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và giảm phụ thuộc vào một số thị trường, hoặc đổi tác chiến lược. Xu hướng này đã dẫn đến sự dịch chuyển của các chuỗi sản xuất và đầu tư quốc tế sang các nền kinh tế mới nổi tại khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2023), Việt Nam đã trở thành một trong những điểm đến quan trọng của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu vực nhờ môi trường chính trị ổn định, lực lượng lao động trẻ và mạng lưới hiệp định thương mại tự do rộng lớn. Sự tham gia của Việt Nam vào các hiệp định thương mại thế hệ mới như CPTPP và EVFTA đã góp phần mở rộng thị trường xuất khẩu và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, cạnh tranh địa kinh tế giữa các cường quốc cũng có thể tạo ra những rủi ro đối với nền kinh tế Việt Nam. Các biện pháp kiểm soát công nghệ, bảo hộ thương mại và cạnh tranh trong chuỗi cung ứng có thể ảnh hưởng đến các ngành công nghiệp xuất khẩu và chiến lược phát triển công nghiệp của Việt Nam.

3.3. Tác động đối với chính sách đối ngoại và vị thế quốc tế của Việt Nam

Sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước lớn cũng tạo ra những tác động quan trọng đối với chính sách đối ngoại và vị thế quốc tế của Việt Nam. Việt Nam cần duy trì chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ và đa phương hóa quan hệ quốc tế nhằm bảo đảm cân bằng chiến lược giữa các đối tác lớn. Chính sách đối ngoại này đã giúp Việt Nam mở rộng mạng lưới quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế. Theo đánh giá của nhiều học giả, Việt Nam đã thành công trong việc thực hiện chính sách đối ngoại “đa phương hóa, đa dạng hóa”, qua đó tăng cường vị thế quốc tế và tạo dựng hình ảnh là một đối tác đáng tin cậy trong cộng đồng quốc tế (Thayer, 2017). Trong bối cảnh cấu trúc quốc tế đang chuyển dịch theo hướng đa cực, Việt Nam cần chủ động, tích cực tham gia vào các cơ chế quản trị khu vực và toàn cầu sẽ góp phần thúc đẩy hợp tác đa phương và khu vực.

Như vậy, từ những phân tích trên có thể thấy rằng, sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước lớn đang tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với Việt Nam. Về cơ

hội, Việt Nam có thể tận dụng xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu để thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, việc mở rộng mạng lưới quan hệ đối tác với các cường quốc và các tổ chức quốc tế cũng giúp Việt Nam nâng cao vị thế và vai trò trong khu vực. Tuy nhiên, những biến động trong cấu trúc quốc tế cũng đặt ra nhiều thách thức đối với Việt Nam. Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc có thể làm gia tăng áp lực đối với chính sách đối ngoại của Việt Nam, đồng thời tạo ra những rủi ro đối với ổn định kinh tế và an ninh khu vực. Do đó, Việt Nam cần tiếp tục duy trì chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đồng thời tăng cường năng lực dự báo chiến lược và chủ động tham gia vào các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh môi trường quốc tế ngày càng biến động.

4. Một số định hướng và hàm ý chính sách đối ngoại cho Việt Nam đến năm 2030

4.1. Một số định hướng chính sách đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn

Thứ nhất, tiếp tục kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gia tăng, việc duy trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam. Chính sách đối ngoại này cho phép Việt Nam chủ động cân bằng quan hệ với các đối tác lớn, tránh bị cuốn vào các vòng xoáy cạnh tranh địa - chính trị, đồng thời bảo đảm tối đa hóa lợi ích quốc gia. Đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại cũng giúp Việt Nam mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược và đối tác toàn diện, qua đó tăng cường khả năng thích ứng với những biến động của môi trường quốc tế.

Thứ hai, chủ động tham gia và đóng góp vào các cơ chế quản trị khu vực và toàn cầu. Trong bối cảnh trật tự quốc tế đang chuyển dịch theo hướng đa trung tâm, các cơ chế hợp tác đa phương và khu vực ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối quan hệ quốc tế. Việt Nam cần tiếp tục phát huy vai trò tích cực trong các tổ chức và diễn đàn quốc tế như ASEAN, APEC, Liên Hợp Quốc,... cũng như các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Đặc biệt là làm tốt vai trò điều phối của nước chủ nhà diễn đàn APEC vào năm 2027 và Chủ tịch ASEAN vào năm 2028... Thông qua việc tham gia tích cực vào các cơ chế này, Việt Nam không chỉ nâng cao vị thế quốc tế, mà còn có thể góp phần định hình các quy tắc và chuẩn mực mới của hệ thống quốc tế.

Thứ ba, tận dụng cơ hội hợp tác kinh tế và công nghệ từ sự điều chỉnh chiến lược của các nước lớn. Sự điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn, đặc biệt trong lĩnh

vực kinh tế và công nghệ, đang tạo ra những cơ hội mới cho các nền kinh tế đang phát triển. Việt Nam cần chủ động tận dụng các sáng kiến hợp tác về đầu tư, kết nối hạ tầng, chuyển đổi năng lượng và phát triển công nghệ. Việc tham gia sâu hơn vào các mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu cũng giúp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ tư, tăng cường ngoại giao kinh tế và ngoại giao khoa học - công nghệ. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gắn liền với cạnh tranh công nghệ, ngoại giao kinh tế và ngoại giao khoa học - công nghệ sẽ trở thành một trong những trụ cột quan trọng của chính sách đối ngoại Việt Nam. Việt Nam cần thúc đẩy hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực như chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo và đổi mới sáng tạo, qua đó tạo nền tảng cho phát triển bền vững trong dài hạn.

Thứ năm, nâng cao năng lực dự báo chiến lược và nghiên cứu chính sách đối ngoại. Trước những biến động nhanh chóng của môi trường quốc tế, việc nâng cao năng lực nghiên cứu và dự báo chiến lược là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam. Các cơ quan nghiên cứu chiến lược và các viện nghiên cứu cần tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng nghiên cứu và cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách đối ngoại.

4.2. Một số hàm ý chính sách đối ngoại của Việt Nam tới năm 2030

Thứ nhất, tiếp tục củng cố đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Trong bối cảnh hệ thống quốc tế đang chuyển dịch theo hướng đa cực và cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng gia tăng, việc duy trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ là yếu tố nền tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Sự cạnh tranh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, đặc biệt tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đang trở thành một trong những nhân tố định hình cấu trúc quyền lực khu vực. Trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ năm 2022, Hoa Kỳ đặt mục tiêu xây dựng một khu vực “tự do, rộng mở, kết nối, thịnh vượng, an toàn và kiên cường” thông qua mạng lưới liên minh và đối tác chiến lược trong khu vực.

Việt Nam trong bối cảnh các cường quốc điều chỉnh chiến lược cần tiếp tục duy trì chính sách cân bằng chiến lược trong quan hệ với các nước lớn, tránh rơi vào tình trạng phụ thuộc vào bất kỳ đối tác nào. Chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ không chỉ giúp Việt Nam bảo vệ lợi ích quốc gia, mà còn tạo điều kiện để mở rộng hợp tác với nhiều đối tác khác nhau, qua đó tăng cường khả năng thích ứng với những biến động

của môi trường quốc tế. Bên cạnh đó, Việt Nam cần tiếp tục phát huy chính sách đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với các quốc gia và tổ chức quốc tế. Chính sách này giúp Việt Nam tăng cường không gian chiến lược và giảm thiểu rủi ro từ cạnh tranh địa chính trị giữa các cường quốc.

Thứ hai, tăng cường vai trò của Việt Nam trong các thiết chế quản trị khu vực. Một trong những định hướng quan trọng của chính sách đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn tới là tăng cường vai trò trong các cơ chế quản trị khu vực, đặc biệt là trong khuôn khổ ASEAN. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng gia tăng, ASEAN được coi là một trong những cơ chế quan trọng giúp duy trì cân bằng chiến lược và thúc đẩy hợp tác khu vực. Khu vực ASEAN cần tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các cường quốc thông qua các cơ chế như Diễn đàn khu vực (ARF), Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) và Hội nghị Bộ trưởng quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+)...

Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần tiếp tục thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực và tăng cường sự phối hợp với các quốc gia thành viên ASEAN nhằm duy trì môi trường hòa bình, ổn định tại Đông Nam Á. Việc tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực như an ninh biển, an ninh phi truyền thống và phát triển bền vững sẽ giúp ASEAN duy trì vai trò là nền tảng hợp tác khu vực quan trọng.

Thứ ba, thúc đẩy ngoại giao kinh tế và hội nhập quốc tế sâu rộng hơn. Một trong những xu hướng nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước lớn hiện nay là việc sử dụng các công cụ kinh tế và công nghệ để gia tăng ảnh hưởng quốc tế. Do đó, ngoại giao kinh tế cần trở thành một trong những trụ cột quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu đang được tái cấu trúc, Việt Nam có cơ hội trở thành một trong những trung tâm sản xuất và thương mại quan trọng trong khu vực. Việc tham gia vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và EVFTA... đã giúp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút đầu tư quốc tế. Tuy nhiên, để tận dụng tốt các cơ hội này, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy cải cách thể chế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đồng thời, Việt Nam cũng cần tăng cường hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và năng lượng tái tạo nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Thứ tư, chủ động tham gia xây dựng các chuẩn mực và cơ chế quản trị quốc tế mới. Trong bối cảnh hệ thống quốc tế đang trải qua những biến đổi sâu sắc, các quốc

gia tầm trung như Việt Nam ngày càng có cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng các chuẩn mực và cơ chế quản trị quốc tế mới. Việt Nam cần chủ động tham gia vào các diễn đàn quốc tế và khu vực nhằm thúc đẩy các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, đặc biệt là các nguyên tắc liên quan đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có thể đóng góp tích cực vào các sáng kiến hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực như biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng và phát triển bền vững. Việc tham gia tích cực vào các cơ chế quản trị toàn cầu không chỉ giúp Việt Nam nâng cao vị thế quốc tế, mà còn tạo điều kiện để bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc.

Thứ năm, nâng cao năng lực dự báo chiến lược và nghiên cứu chính sách đối ngoại. Trong bối cảnh môi trường quốc tế ngày càng biến động và khó dự đoán, việc nâng cao năng lực dự báo chiến lược là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam. Các cơ quan nghiên cứu chiến lược và các viện nghiên cứu cần tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng nghiên cứu và cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách đối ngoại. Việc xây dựng các kịch bản dự báo về xu hướng phát triển của hệ thống quốc tế đến năm 2030 sẽ giúp Việt Nam chủ động hơn trong việc xây dựng chiến lược đối ngoại dài hạn. Các kịch bản này cần xem xét nhiều yếu tố khác nhau như chuyển dịch quyền lực toàn cầu, cạnh tranh công nghệ, biến đổi khí hậu và các thách thức an ninh phi truyền thống. Ngoài ra, Việt Nam cũng cần tăng cường hợp tác với các trung tâm nghiên cứu quốc tế và các tổ chức học thuật nhằm tiếp cận các nguồn tri thức và kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu chiến lược.

Kết luận

Sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước lớn trong bối cảnh chuyển dịch quyền lực toàn cầu đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong cấu trúc hệ thống quốc tế. Những biến đổi này vừa tạo ra cơ hội, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Đối với Việt Nam, việc duy trì chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, tăng cường hội nhập quốc tế và chủ động tham gia vào các cơ chế quản trị khu vực và toàn cầu sẽ là những yếu tố quan trọng giúp bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế quốc tế trong giai đoạn tới. Trong thời gian tới, chính sách đối ngoại của Việt Nam cần hướng tới mục tiêu vừa bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước, vừa góp phần xây dựng một trật tự khu vực và quốc tế dựa trên luật lệ, hợp tác và phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Acharya, A. (2014). *The end of American world order*. Polity Press. ISBN: 978-0745672489
2. Allison, G. (2017). *Destined for war: Can America and China escape Thucydides's trap?* Houghton Mifflin Harcourt. <https://www.hks.harvard.edu/publications/destined-war-can-america-and-china-escape-thucydides-trap>
3. European Commission. (2021). *Global Gateway strategy*. https://international-partnerships.ec.europa.eu/policies/global-gateway/global-gateway-overview_en
4. Huang, J. (2024). China's role in the EU's search for strategic autonomy : nonhegemonic power relations during world order transition. *China International Strategy Review*. Volume 6, pages 254-284. <https://link.springer.com/article/10.1007/s42533-024-00174-5>
5. Hwang, W. (2024). U.S.-China competition and the restructuring of the global supply chain. *Journal of East Asian Studies*. Volume 24 , Issue 3 , pp. 324 - 342, DOI: <https://doi.org/10.1017/jea.2024.17>
6. Ikenberry, G. J., & Lim, D. J. (2017). China's emerging institutional statecraft. *Brookings Institution Report*. <https://www.brookings.edu/wp-content/uploads/2017/04/chinas-emerging-institutional-statecraft.pdf>
7. Kwarteng, B. (2023). *The CHIPS Act and U.S.-China technology competition*. Marcellus Policy Analysis. <https://jqas.org/wp-content/uploads/2023/06/Kwarteng-Analysis.pdf>
8. Rolland, N. (2017). *China's Eurasian century? Political and strategic implications of the Belt and Road Initiative*. National Bureau of Asian Research. https://www.nbr.org/wp-content/uploads/pdfs/programs/chinas_eurasian_century_ch3.pdf
9. Semercioglu, H. (2024). Russia-Ukraine war: Global and Regional Impacts in the Context of Türkiye's Seeking Balance. *Journal of Political Administrative and Local Studies*, 7(2), 134-148. https://www.researchgate.net/publication/387822060_Russia-Ukraine_War_Global_and_Regional_Impacts_in_the_Context_of_Turkiye's_Seeking_Balances
10. Tatsumi, Y. (2025). *U.S. strategy toward the Indo-Pacific region*. Friedrich Naumann Foundation Policy Paper. <https://www.freiheit.org/sites/default/files/2025-04/policy-paper-01-2025.pdf>
11. Thayer, C. (2017). Vietnam's Foreign Policy in an Era of Rising Sino-US Competition and Increasing Domestic Political Influence. *Asian Security*, 13(3), 183-199. <https://doi.org/10.1080/14799855.2017.1354570>
12. The White House. (2022). *Indo-Pacific Strategy of the United States*. <https://bidenwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2022/02/U.S.-Indo-Pacific-Strategy.pdf>
13. U.S. Department of Defense. (2022). *2022 National Defense Strategy of the United States of America*. <https://media.defense.gov/2022/Oct/27/2003103845/-1/-1/2022-NATIONAL-DEFENSE-STRATEGY-NPR-MDR.PDF>
14. World Bank. (2023). *Global economic prospects*. <http://documents.worldbank.org/curated/en/099060723202024954>